



Mã số: 251203/4672:1/QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 12 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị gửi mẫu: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SÀI GÒN – KIÊN GIANG**
- Địa chỉ: 1332 Nguyễn Trung Trực, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang
- Tên mẫu: Nước thải. Số lượng: 01 mẫu

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	NT9.251203	1203/NT/U-COM-KG/1: Sau HTXL nước thải

4. Ngày nhận mẫu: 03/12/2025

5. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B
				NT9.251203	
1	pH ^(b)	--	TCVN 6492:2011	8,05	5 - 9
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	18	50
3	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	< 18,0	100
4	N-NH ₄ ^{+(a)}	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&C:2023	9,80	10
5	Dầu mỡ ĐTV ^(a)	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2023	< 3,0	20
6	TDS ^(b)	mg/L	HDCV/ĐN-H19	237	1.000
7	S ^{2-(a)}	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	KPH (MDL=0,05)	4
8	P-PO ₄ ^{3-(a)}	mg/L	SMEWW 4500-PO ₄ ³⁻ .E:2023	0,58	10
9	N-NO ₃ ^{-(a)}	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	< 0,15	50
10	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	SMEWW 5540.B&C:2023	< 0,20	10
11	Coliforms ^(b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	KPH (MDL=1,8)	5.000

Ghi chú: Dấu (--): không quy định; KPH: không phát hiện; MDL: giới hạn phát hiện

Cán bộ QC: Dương Hoàng Thanh Thảo

P. Phòng thí nghiệm**Dương Hoàng Thanh Thảo****KT. Giám Đốc**
Tạ Công Uẩn

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).

2. Dấu (a): Chỉ tiêu được Vincerts công nhận; Dấu (b): Chỉ tiêu do NTP – Vincert 292 thực hiện

3. Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm